

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2022/HS-ST.  
Ngày: 29-8-2022.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lợi

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thanh Phương

Bà Lê Thị Kim Xuyên

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Thanh Duy- Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:*** Bà Vương Thị Hồng- Kiểm sát viên.

Từ ngày 23 tháng 8 năm 2022 đến ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai. Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 124/2022/TLST-HS ngày 20 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2022/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện N, đối với bị cáo:

Phạm Hữu N (tên gọi khác: D), sinh năm 1989, tại Đồng Nai. Nơi cư trú: ấp PM 2, xã PH, huyện N, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H và bà Phan Thị M; bị cáo có vợ là chị Võ Thị Tú T, sinh năm 1993 và có 02 con (lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2020).

Tiền sự: không.

Tiền án: Ngày 08/02/2018 bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm tù về tội “ Trộm cắp tài sản” và 06 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo bản án hình sự sơ thẩm số 10/2018/HSST ngày 29/4/2019, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa trả lại cho ông Phan Văn Đỏ và chị Vũ Thị Thúy số tiền 22.000.000đồng.

Nhân thân: Ngày 09/9/2014 bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm tù về tội “ Cố ý gây thương tích” theo bản án hình sự sơ thẩm số 141/2014/HSST, đến ngày 10/02/2015 bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 17/8/2021 và hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ công an huyện N. (Bị cáo có mặt)

- Bị hại: Chị Trần Thị Kim P, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: ấp PM 2, xã PH, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Người làm chứng:

+ Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1949 (vắng mặt)

+ Ông Trương Hoàng H, sinh năm 1955 (có mặt)

+ Bà Trần Thị C, sinh năm 1948 (vắng mặt)

Cùng trú tại: ấp PM 2, xã PH, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 17/8/2021, Phạm Hữu N đi ra sân nhà N thuộc ấp PM 2, xã PH, huyện N, tỉnh Đồng Nai lấy 01 con dao thái lan dài khoảng 30cm, cán dao bằng nhựa màu vàng bỏ vào túi quần bên trái, phía trước của N, N tiếp tục lấy 01 ống tuýp sắt dài khoảng 40cm, mũi tuýp nhọn, đường kính ống tuýp khoảng 1,5cm và 01 cây rựa bằng nhựa màu đen dài khoảng 40cm, rựa không có cán rồi bỏ vào 01 cái gối màu xanh, trên gối có chữ Doremon. Sau đó, N đi bộ đến gần chùa Phú Quang thuộc ấp PM 2, xã PH, huyện N nhìn thấy chị Trần Thị Kim P (sinh năm 1984) đang ngồi trong nhà nhưng không khóa cửa, N liền đi vào nhà chị P và bỏ tay vào chiếc gối bên trong có chứa 01 ống tuýp sắt và 01 cây rựa đưa lên ngang mặt chị P để chị P nghĩ rằng N đang cầm súng và nói “Đứng im, không tao bắn”, nghe vậy chị P ngồi yên, N đi lại phía sau lưng chị P rồi lấy con dao thái lan kề vào cổ chị P yêu cầu chị P đi lại khóa cửa chính và đưa chìa khóa cho N cầm. Lợi dụng N bỏ tay khỏi vai, chị P bỏ chạy ra phía cửa sau thì N đuổi kịp và dùng cán dao đâm vào vai chị P nhưng không gây thương tích, chị P quỳ xuống xin N thì N yêu cầu chị P đưa cho N 10.000.000 đồng để N thanh toán tiền chơi game. Lúc này có bà Trần Thị C là hàng xóm kế bên nhà chị P đến gõ cửa và nói chị P “Sang đưa bà Vú đi viện”, nghe vậy thì chị P trả lời “Con đang có việc”. Sau đó, N nói chị P đưa cho N 50.000.000 đồng do không có tiền ở nhà nên chị P nói N đưa chìa khóa nhà cho chị P để chị P mở cửa sang nhà bà Vú là mẹ nuôi chị P lấy tiền về đưa cho

N. Trong quá trình gây án N yêu cầu chị P mở nhạc bằng điện thoại của chị P cho N nghe nhằm trấn an tinh thần của chị P và tránh người ngoài phát giác. N tin tưởng chị P bị đe dọa bằng hung khí và điện thoại chị P đang để ở nhà, chị P sẽ không giám phản kháng nên N đồng ý và đưa chìa khóa cho chị P, chị P mở cửa rồi dùng ổ khóa móc cửa lại nhốt N ở trong nhà. Chị P chạy ra ngoài truy hô hàng xóm giúp đỡ. Lúc này tổ công tác của Công an xã PH, huyện N đi làm công tác phòng chống dịch covid – 19 phát hiện tiến hành lập biên bản bắt quả tang N và thu giữ tang vật đưa về trụ sở để làm việc lập hồ sơ ban đầu và chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, tỉnh Đồng Nai điều tra theo thẩm quyền.

- Tang vật thu giữ gồm: 01 con dao thái lan dài khoảng 30cm, cán dao bằng nhựa màu vàng; 01 ống tuýp sắt dài khoảng 40cm, mũi tuýp nhọn, đường kính ống tuýp khoảng 1,5cm; 01 cây rựa bằng nhựa màu đen dài khoảng 40cm, rựa không có cán; 01 đôi dày da màu đen đã qua sử dụng; 01 áo khoác màu đen đã qua sử dụng; 01 cái gối màu xanh, trên gối có chữ Doremon là công cụ dùng vào việc phạm tội của Phạm Hữu N.

Tại Cáo trạng số: 118/CT-VKS-NT ngày 19 tháng 7 năm 2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Phạm Hữu N về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Phạm Hữu N về tội danh, khung hình phạt, điều luật áp dụng như bản Cáo trạng đã nêu đồng thời đề nghị:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 15, Điều 57 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đề nghị xử phạt: Bị cáo Phạm Hữu N mức án tù từ 06 năm tù đến 06 năm 06 tháng tù.

Xử lý vật chứng: Đề nghị Tòa tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 con dao thái lan dài khoảng 30cm, cán dao bằng nhựa màu vàng; 01 ống tuýp sắt dài khoảng 40cm, mũi tuýp nhọn, đường kính ống tuýp khoảng 1,5cm; 01 cây rựa bằng nhựa màu đen dài khoảng 40cm, rựa không có cán; 01 đôi dày da màu đen đã qua sử dụng; 01 áo khoác màu đen đã qua sử dụng; 01 cái gối màu xanh, trên gối có chữ Doremon là phương tiện dùng vào việc phạm tội của Phạm Hữu N.

Bị cáo không đồng ý với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện N và chối tội.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người làm chứng bà Đỗ Thị T, bà Trần Thị C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt. Tại hồ sơ thể hiện đầy đủ lời khai của bà T, bà C. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự tiếp tục tiến hành xét xử vắng mặt bà C, bà T mà không cần thiết phải hoãn phiên tòa.

[2] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra các đương sự và tại phiên tòa bị cáo, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về chứng cứ xác định có tội, không có tội.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Phạm Hữu N thừa nhận vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 17/8/2021 bị cáo đã có hành vi sử dụng 01 con dao thái lan dài khoảng 30cm, cán dao bằng nhựa màu vàng; 01 ống tuýp sắt dài khoảng 40cm, mũi tuýp nhọn, đường kính ống tuýp khoảng 1,5cm và 01 cây rựa bằng nhựa màu đen dài khoảng 40cm, rựa không có cán đến nhà chị Trần Thị Kim P, khi chị đang ngồi trong nhà nhưng không khóa cửa, N liền đi vào nhà chị P và bỏ tay vào chiếc gối bên trong có chứa 01 ống tuýp sắt và 01 cây rựa đưa lên ngang mặt chị P để chị P nghĩ rằng N đang cầm súng và nói “Đứng im, không tao bắn”, nghe vậy chị P ngồi yên, N đi lại phía sau lưng chị P rồi lấy con dao thái lan kê vào cổ chị P yêu cầu chị P đi lại khóa cửa chính và đưa chìa khóa cho N cầm. Lợi dụng N bỏ tay khỏi vai, chị P bỏ chạy ra phía cửa sau thì N đuổi kịp và dùng cán dao đâm vào vai chị P nhưng không gây thương tích nhằm giữ chị P ở trong nhà, chị P sợ quá nên ngồi xuống đất chấp tay xin N tha mạng. Hành vi của bị cáo đã uy hiếp tinh thần làm chị P lâm vào tình trạng bị tê liệt ý chí và không có khả năng phản kháng.

Tuy nhiên, bị cáo không thừa nhận mục đích của hành vi nêu là nhằm chiếm đoạt tài sản của chị P.

Tại phiên tòa bị cáo xin lỗi chị P vì đã sử dụng dao, rựa, tuýp sắt để đe dọa, uy hiếp tinh thần làm chị P sợ hãi và không dám phản kháng nhưng bị cáo không nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của chị P vì bị cáo không nợ tiền ai, không bao giờ chơi bài ăn tiền, không sử dụng ma túy mà chỉ sử dụng vài chén

ruột. Bị cáo khẳng định do điện thoại của bị cáo bị hư nên bị cáo đã vào nhà chị P để mượn điện thoại của chị P điện cho mẹ ruột bị cáo xin tiền. Trong lúc nói chuyện thì nghe chị P than vãn về việc đang khó khăn, không có tiền và con sắp sinh nên bị cáo có ý định cho chị P số tiền 10.000.000đồng nên mới yêu cầu chị P “chị điện thoại cho mẹ tôi, nói mẹ tôi cho 10 triệu (bút lục 34)”. “ Trong lúc nói chuyện với chị P thì tôi có ý muốn cho chị P 10 triệu để cho con gái chị P đang sinh (Bút lục số 36)”. Tuy nhiên, đó là lời khai nài nhằm che đậy hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện bị cáo ngoan cố, xảo quyệt không thành khẩn khai báo, không ăn năn hối cải.

Tại phiên tòa và tại bút lục số 45 lời khai của bà Phan Thị M (mẹ ruột bị cáo) khai: “vào ngày 17/8/2021 tôi không nhận được cuộc điện thoại nào từ N về việc xin tiền và cũng không có số điện thoại lạ nào gọi vào máy của tôi để xin tiền cả. Từ trước đến nay N thường xuyên xin tiền của tôi liên tục cứ cách hai ba ngày là N đi bộ qua chỗ tôi đang ở tại nhà cô Mười ấp PM 1, xã PH để xin tiền, mỗi lần xin từ 200.000đ đến 500.000đ và lúc nào xin tôi đều cho N để tiêu xài cá nhân, thỉnh thoảng tôi không cho thì N bực tức, chửi bới và lần gần nhất vào khoảng 12 giờ ngày 17/8/2021 lúc tôi đang ở nhà cô Mười thì N vào xin tiền nhưng tôi không cho nên N dùng 01 con dao dài khoảng 20cm có cán bằng nhựa và lưỡi bằng kim loại lấy từ trong túi quần ra dơ lên và hù dọa tôi. Bản thân tôi là mẹ ruột của N nên tôi biết N thường xuyên sử dụng trái phép chất ma túy, tôi không quản lý được N, không biết N thường xuyên làm gì, đi đâu. Mỗi lần sử dụng ma túy thì N đều đe dọa tôi và chồng tôi Phạm Văn Hiệp nên chúng tôi không dám ở nhà mình mà qua nhà cô Mười để ở từ tháng 4/2021 cho đến nay”.

Bị cáo là đối tượng nghiện ma túy từ năm 2014 cho đến nay và lần gần nhất bị cáo sử dụng là trưa ngày 17/8/2021 (Bút lục 35) lời khai này của bị cáo là phù hợp với chứng cứ khách quan mà Cơ quan điều tra thu thập được tại bút lục số 33 kết quả test nhanh ngày 17/8/2021 thì N dương tính với Methamphetamine.

Bản thân bị cáo không có việc làm, thường xuyên uy hiếp cha mẹ để xin tiền sử dụng, bị cáo nhiều lần nhắc đến số tiền 10 triệu đồng phù hợp với lời khai của bị hại. Tại bút lục số 35 bị cáo khai “Trước khi thực hiện hành vi phạm tội tôi đã theo dõi nhà chị P khoảng 02 ngày trước, tôi thấy có mình chị P sinh sống trong nhà, mục đích là để thấy thói quen sinh hoạt của chị P. Khi đột nhập vào nhà chị P vào ngày 17/8/2021 tôi bịt khẩu trang kín mặt, mặc áo khoác trùm qua đầu để che mặt tôi lại, mục đích để không ai nhận ra tôi”.

Bị cáo thừa nhận trong quá trình khống chế chị P bị cáo yêu cầu chị P mở nhạc bằng điện thoại cho bị cáo nghe nhằm mục đích trấn an tinh thần của chị P

và để người khác nghĩ rằng bị cáo, bị hại đang nghe nhạc, nói chuyện cùng nhau, bị hại không gặp nguy hiểm gì nên không phát hiện được hành vi phạm tội của bị cáo. Khi chị P nói không để tiền ở nhà và năn nỉ bị cáo cho qua nhà bà Vú lấy tiền về cho bị cáo. Do bị cáo đang dùng điện thoại của chị P để nghe nhạc và chị P bị uy hiếp tinh thần, hoảng sợ, không giám phản kháng nên bị cáo tin tưởng chị P sẽ đi ra ngoài lấy tiền về cho bị cáo.

Khi chị P mở cửa rồi dùng ổ khóa móc cửa lại nhốt N ở trong nhà, chạy ra ngoài truy hô hàng xóm giúp đỡ. Lúc này tổ công tác của Công an xã PH, huyện N đi làm công tác phòng chống dịch covid – 19 phát hiện tiến hành lập biên bản bắt quả tang N và thu giữ tang vật là nguyên nhân khách quan ngoài ý muốn, ngoài dự đoán của bị cáo dẫn đến việc bị cáo chưa chiếm đoạt được tài sản của bị hại.

Xét thấy bị cáo N có hành vi dùng vũ lực, đe dọa sử dụng vũ lực ngay tức khắc nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của chị P là phù hợp với lời khai của chị P, người làm chứng, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa.

Hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Hữu N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phạm Hữu N phạm tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 như Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện N là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi mà bị cáo đã thực hiện là rất nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quan hệ sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ gây ảnh hưởng xấu về mặt an ninh và trật tự trong xã hội. Bị cáo là người đã thành niên có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bản thân bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù về tội “ Cố ý gây thương tích”, “ Trộm cắp tài sản, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, từng có thời gian cải tạo, giáo dục để bị cáo nhận thức rõ không ai có quyền xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng, tài sản của người khác. Tuy nhiên, bị cáo xem thường pháp luật, đã sử dụng hung khí nguy hiểm tấn công bị hại làm cho bị hại bị tê liệt về mặt ý chí, không có khả năng tự vệ nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của bị hại. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo quanh co, chối tội, không thành khẩn khai báo, không ăn năn hối cải nên xét cần áp dụng hình phạt nghiêm cách li bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để bị cáo có thời gian sửa

chữa bản thân trở thành người có ích cho xã hội và nhằm răn đe giáo dục phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Về tình tiết tăng nặng: tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

+ Về tình tiết giảm nhẹ: không có.

[6] Về biện pháp tư pháp:

- Trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chưa chiếm đoạt được của bị hại nên Hội đồng xét xử không xem xét về trách nhiệm bồi thường.

- Xử lý vật chứng: tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 con dao thái lan dài khoảng 30cm, cán dao bằng nhựa màu vàng; 01 ống tuýp sắt dài khoảng 40cm, mũi tuýp nhọn, đường kính ống tuýp khoảng 1,5cm; 01 cây rựa bằng nhựa màu đen dài khoảng 40cm, rựa không có cán; 01 đôi dày da màu đen đã qua sử dụng; 01 áo khoác màu đen đã qua sử dụng; 01 cái gối màu xanh, trên gối có chữ Doremon là phương tiện dùng vào việc phạm tội của Phạm Hữu N.

(Các vật chứng nêu trên đã được chuyển cho Chi cục thi hành án dân sự huyện N lưu giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/4/2022).

[7] Quan điểm truy tố, tội danh, điều luật áp dụng và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo Phạm Hữu N phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 136, 260, 293, 298, 299, 326, 327, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Phạm Hữu N phạm tội “Cướp tài sản”.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 15, Điều 38, Điều 57 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hình phạt:

Xử phạt: bị cáo Phạm Hữu N 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “ Cướp tài sản”. Thời hạn tù được tính từ ngày 17/8/2021.

2. Về án phí: Bị cáo Phạm Hữu N phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Cơ quan THAHS huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Lợi**